

GIẤY ỦY QUYỀN

(Số: 22.../TASA-UQ)

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty,

Người uỷ quyền: Ông Đào Việt Anh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 012348941 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/02/2014.

Người được uỷ quyền: Ông Phan Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 030800017 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2008.

Nội dung uỷ quyền:

1. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ông Đào Việt Anh uỷ quyền cho Ông Phan Thanh Bình ký các loại Báo cáo tài chính và các văn bản giải trình liên quan đến các loại Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Người uỷ quyền, Công ty và trước pháp luật về công việc được uỷ quyền.
3. Thời hạn uỷ quyền: Việc uỷ quyền này có giá trị từ ngày ký giấy uỷ quyền cho đến khi có văn bản quy định khác.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN


TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

NGƯỜI ỦY QUYỀN



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Đào Việt Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thái Cường	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm 24/03/2018)
Ông Trần Tuấn Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm 24/03/2018)
Ông Tạ Minh Nguyên	Thành viên (Bổ nhiệm 24/03/2018)
Ông Đặng Tiếp	Thành viên (Miễn nhiệm 13/11/2018)
Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Thành viên (Miễn nhiệm 24/03/2018)
Bà Vũ Thị Phú	Thành viên (Miễn nhiệm 24/03/2018)
Bà Đào Kim Phương	Thành viên (Miễn nhiệm 24/03/2018)
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm 24/03/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm 20/08/2018)
Ông Đặng Tiếp	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 24/03/2018)
Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 12/04/2018)
Ông Lê Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm 15/05/2018)
Bà Trịnh Thị Huế	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Việt Anh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 theo Giấy Ủy quyền số 20/TASA-UQ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Phan Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Số: 162 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán khác, Báo cáo kiểm toán số 26/2018/CPA HANOI - BCKT phát hành ngày 06 tháng 03 năm 2018 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1

Ngô Tiến Thành
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3754-2016-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.624.657.657	78.872.488.584
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	65.421.409.557	67.095.186.124
1. Tiền	111		17.397.576.129	2.095.186.124
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.023.833.428	65.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.107.650.821	10.961.464.730
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	707.606.463	617.408.160
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.000.000	8.692.750
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	14.380.044.358	10.335.363.820
III. Hàng tồn kho	140		-	796.257.484
1. Hàng tồn kho	141		-	2.296.257.484
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.500.000.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		95.597.279	19.580.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	95.597.279	19.580.246
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		186.568.189.092	193.177.628.677
I Các khoản phải thu dài hạn	210		24.778.768.572	30.654.013.572
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	24.750.000.000	29.722.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	6	28.768.572	932.013.572
II. Tài sản cố định	220		367.953.534	1.207.469.082
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	367.953.534	1.207.469.082
- Nguyên giá	222		8.079.844.773	8.079.844.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.711.891.239)	(6.872.375.691)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	161.292.995.323	161.213.821.305
1. Đầu tư vào công ty con	251		163.036.120.074	163.036.120.074
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.743.124.751)	(1.822.298.769)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		128.471.663	102.324.718
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	128.471.663	102.324.718
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		267.192.846.749	272.050.117.261

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.282.247.822	19.168.903.389
I Nợ ngắn hạn	310		8.279.247.822	12.165.903.389
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.553.023.638	1.727.342.311
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32.096.790	27.456.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	269.819.564	397.727.803
4. Phải trả người lao động	314		155.069.600	122.075.750
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		166.311.750	164.388.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	4.688.288.508	8.630.287.398
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		414.637.972	1.096.626.127
II Nợ dài hạn	330		4.003.000.000	7.003.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	3.000.000	3.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	4.000.000.000	7.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		254.910.598.927	252.881.213.872
I Vốn chủ sở hữu	410	15	254.910.598.927	252.881.213.872
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.110.000.000	187.110.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.772.359.500	9.772.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		(15.682.334.790)	(15.682.334.790)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		794.026.037	722.553.956
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		259.392.390	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.657.155.790	70.958.635.206
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		53.180.579.534	48.161.289.018
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		19.476.576.256	22.797.346.188
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		267.192.846.749	272.050.117.261


Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019


Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng


Phạm Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	16.213.315.172	15.989.492.422
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		16.213.315.172	15.989.492.422
4. Giá vốn hàng bán	11	17	14.205.950.858	13.918.713.045
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.007.364.314	2.070.779.377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	22.059.243.617	24.448.562.312
7. Chi phí tài chính	22	20	201.050.509	(362.567.493)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		279.444.443	113.666.666
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	3.994.931.466	3.205.486.989
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 26}	30		19.870.625.956	23.676.422.193
10. Thu nhập khác	31		-	100.349.086
11. Chi phí khác	32		-	86.024.083
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		-	14.325.003
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.870.625.956	23.690.747.196
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	394.049.700	893.401.008
15. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		19.476.576.256	22.797.346.188

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	17.697.665.982	17.848.937.661
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(14.983.245.312)	(15.473.640.902)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.828.448.535)	(1.562.615.891)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(236.444.443)	(89.555.555)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(530.423.457)	(538.909.078)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14.105.954.502	42.911.373.964
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(19.751.095.106)	(25.033.331.621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.526.036.369)	18.062.258.578
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	330.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.972.000.000	8.568.282.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(21.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.414.082.355	26.685.264.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	24.386.082.355	14.083.546.660
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(4.534.239.378)
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	7.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.000.000.000)	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.533.368.527)	(21.313.832.027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.533.368.527)	(18.848.071.405)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.673.322.541)	13.297.733.833
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	67.095.186.124	53.797.571.098
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(454.026)	(118.807)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	65.421.409.557	67.095.186.124

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14/05/2018.

Công ty có trụ sở tại: số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 187.110.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 11 người).

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê container;
- Cho thuê xe có động cơ.

Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ bãi, dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tên công ty/chi nhánh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	99,947%	99,947%
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,680%	99,680%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,000%	99,000%
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,350%	99,350%
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100,000%	100,000%
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	100,000%	100,000%
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải - Chi nhánh HCM	TP. Hồ Chí Minh		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính riêng. Theo đó, Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính
	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	09 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ: Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,35% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Container Minh Thành: Công ty sở hữu 99,947% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải: Công ty sở hữu 99% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,68% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội: Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.842.731.240	180.844.091
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.554.844.889	1.914.342.033
Các khoản tương đương tiền (i)	48.023.833.428	65.000.000.000
Cộng	65.421.409.557	67.095.186.124

Ghi chú:

(i) Là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	707.606.463	617.408.160
Công ty TNHH Đại lý Vận tải EVERGREEN (Việt Nam)	347.115.820	220.961.691
CN Công ty TNHH KMTC Việt Nam tại Hải Phòng	36.491.718	52.165.818
Công ty CP Kinh doanh CBLX Xuất khẩu Yến Bái	47.843.520	70.555.200
Các đối tượng khác	276.155.405	273.725.451
Trong đó: Phải thu là các bên liên quan	232.859.973	110.000.000
(Chi tiết tại thuyết minh 25)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
n) Ngắn hạn	14.380.044.358	-	10.335.363.820	-
Tạm ứng	853.881.000	-	132.804.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	150.213.020	-	455.011.112	-
Phải thu lãi vay ngắn hạn - Bên liên quan	289.917.808	-	2.361.662.409	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	22.082.192	-	27.236.889	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	267.835.616	-	2.334.425.520	-
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia - Bên liên quan	12.551.273.530	-	6.791.062.299	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	3.044.976.738	-	1.402.670.960	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	7.453.426.001	-	5.138.613.658	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.923.372.392	-	249.777.681	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	129.498.399	-	-	-
Các khoản phải thu khác	534.759.000	-	594.824.000	-
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải - Bên liên quan	534.259.000	-	593.824.000	-
Các khoản phải thu khác	500.000	-	1.000.000	-
b) Dài hạn	28.768.572	-	932.013.572	-
Tạm ứng	18.768.572	-	32.013.572	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Container Minh Thành - Bên liên quan	-	-	900.000.000	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	95.597.279	19.580.246
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	5.583.334	12.496.754
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	90.013.945	7.083.492
Dài hạn	128.471.663	102.324.718
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	18.270.372	1.581.750
- Thiết bị văn phòng và sửa xe	110.201.291	100.742.968

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan	24.750.000.000	24.750.000.000	29.722.000.000	29.722.000.000
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải (i)	6.500.000.000	6.500.000.000	6.972.000.000	6.972.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành (ii)	18.250.000.000	18.250.000.000	22.750.000.000	22.750.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản phải thu về cho vay theo Hợp đồng cho vay số 03/HDCV/2017 ngày 01/01/2017 số tiền 4.500.000.000 VND, Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHDVV/2017 ngày 01/01/2017 số tiền 2.472.000.000 VND, Phụ lục hợp đồng vay vốn số 02/PLHDVV/2018 ngày 31/12/2018 về việc gia hạn thời hạn vay đến ngày 31/12/2021. Lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để sản xuất kinh doanh.
- (ii) Khoản phải thu về cho vay theo:
- Hợp đồng cho vay số 01/HDVV/2017 ngày 01/01/2017 số tiền 22.250.000.000 VND và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 02/PLHDVV/2018 ngày 30/03/2018 về việc gia hạn thời hạn vay đến ngày 31/12/2021. Lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh, sửa chữa nâng cấp, cải tạo nền bãi.
 - Hợp đồng vay vốn số 18/HDVV/2017 ngày 29/12/2017 số tiền 500.000.000 VND và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHDVV/2018 ngày 30/03/2018 về việc gia hạn thời hạn vay đến ngày 31/12/2021. Lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh, sửa chữa nâng cấp, cải tạo nền bãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	31.348.182	8.004.769.317	43.727.274	8.079.844.773
Số cuối năm	31.348.182	8.004.769.317	43.727.274	8.079.844.773
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	31.348.182	6.797.300.235	43.727.274	6.872.375.691
Khấu hao trong năm	-	839.515.548	-	839.515.548
Số cuối năm	31.348.182	7.636.815.783	43.727.274	7.711.891.239
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	-	1.207.469.082	-	1.207.469.082
Số cuối năm	-	367.953.534	-	367.953.534

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 75.075.456 VND (Tại ngày 31/12/2017 là 75.075.456 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2,
Quận Hải An, thành phố Hải Phòng

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc		Dự phòng		Giá gốc		Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con	163.036.120.074	(1.743.124.751)	-	163.036.120.074	(1.822.298.769)	-	(493.034.382)	(i)
Công ty TNHH Container Minh Thành (ii)	60.990.000.000	(231.647.758)	(i)	60.990.000.000	-	-	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45.655.576.172	-	(i)	45.655.576.172	-	-	-	(i)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	32.867.444.563	-	(i)	32.867.444.563	-	-	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	14.503.099.339	-	(i)	14.503.099.339	-	-	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	6.500.000.000	-	(i)	6.500.000.000	-	-	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (ii)	2.520.000.000	(1.511.476.993)	(i)	2.520.000.000	(1.329.264.387)	-	-	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá, tồn thất các khoản đầu tư tài chính.

Thông tin chi tiết về công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2018 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	99,947%	99,947%	Kinh doanh kho bãi
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	99,680%	99,680%	Kinh doanh kho bãi
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,000%	99,000%	Kinh doanh kho bãi và thương mại
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	TP. Hải Phòng	99,350%	99,350%	Kinh doanh vận tải
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100,000%	100,000%	Kinh doanh vận tải
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	100,000%	100,000%	Thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty con là Công ty TNHH Container Minh Thành (“Minh Thành”): hoạt động kinh doanh trong năm 2018 vẫn duy trì ổn định, Công ty đã bắt đầu có lãi. Trong năm, Công ty có cho Minh Thành vay vốn khoảng 18,25 tỷ VND, doanh thu lãi tiền vay phát sinh khoảng 872 triệu VND.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Duyên hải (“Tasaco”): hoạt động kinh doanh trong năm 2018 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận sau thuế khoảng 2,7 tỷ VND. Trong năm, Công ty có vay vốn từ Tasaco khoảng 4 tỷ VND, chi phí lãi tiền vay phát sinh khoảng 279 triệu VND.

Công ty con là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải (“Trading”): hoạt động kinh doanh trong năm 2018 vẫn duy trì ổn định, Công ty đã bắt đầu có lãi. Trong năm, Công ty có thực hiện thuê văn phòng và sử dụng dịch vụ nâng hạ và vệ sinh container của Trading với tổng giá trị khoảng 5,7 tỷ VND.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải (“Đường bộ Duyên hải”): hoạt động kinh doanh trong năm 2018 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận khoảng 3,1 tỷ VND. Trong năm, Công ty có cho Đường bộ Duyên hải vay vốn khoảng 6,5 tỷ VND, doanh thu lãi tiền vay phát sinh khoảng 260 triệu VND.

Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ (“Duyên hải Phú Thọ”): hoạt động kinh doanh trong năm 2018 vẫn duy trì ổn định, đạt lợi nhuận khoảng 12,8 tỷ VND. Trong năm, Công ty phát sinh doanh thu cước vận tải biển đối với Duyên hải Phú Thọ với tổng phát sinh khoảng 2,1 tỷ VND.

Công ty con là Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (“Duyên hải Hà Nội”): hoạt động kinh doanh trong năm 2018 phát sinh ít, lỗ khoảng 182 triệu VND. Trong năm 2018, Công ty không có phát sinh giao dịch với Duyên hải Hà Nội.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	2.553.023.638	2.553.023.638	1.727.342.311	1.727.342.311
Công ty TNHH Đại lý vận tải EVERGREEN (Việt Nam)	195.327.450	195.327.450	163.980.450	163.980.450
Các đối tượng khác	2.357.696.188	2.357.696.188	1.563.361.861	1.563.361.861
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 25)	2.234.973.933	2.234.973.933	1.530.843.616	1.530.843.616

Các khoản nợ trên đều là nợ trong hạn và có khả năng trả nợ.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm	Số phải thu cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	32.072.551	467.837.176	469.680.523	30.229.204	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	354.444.477	394.049.700	530.423.457	218.070.720	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.210.775	677.777.702	667.468.837	21.519.640	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	397.727.803	1.542.664.578	1.670.572.817	269.819.564	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢISố 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2,
Quận Hải An, thành phố Hải Phòng**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	4.688.288.508	8.630.287.398
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	447.749.500	633.460.700
Các khoản phải trả phải nộp khác - Bên liên quan	4.240.539.008	7.996.826.698
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.600.000.000	3.920.275.059
- Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên hải Hà Nội	810.000.000	1.050.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	67.111.111	2.124.111.111
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại các công ty con	750.811.967	805.279.528
- Các đối tượng khác	12.615.930	97.161.000
Dài hạn	3.000.000	3.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.000.000	3.000.000
Cộng	4.691.288.508	8.633.287.398

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải (i) (Bên liên quan)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	3.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000

Ghi chú:

- i. Theo Hợp đồng vay số 05/HDVV/2017 ngày 09/08/2017, số tiền vay 4 tỷ VND, lãi suất 4%/năm, thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 09/08/2017 đến ngày 09/08/2019). Phụ lục gia hạn hợp đồng số 01/PLHDVV/2018 ngày 31/12/2018 gia hạn tới ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2,
Quận Hải An, thành phố Hải Phòng

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	187.110.000.000	9.772.359.500	(11.148.095.412)	647.497.875	-	69.947.850.008	256.329.611.971
Tăng vốn trong năm	-	-	(4.534.239.378)	-	-	-	(4.534.239.378)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	22.797.346.188	22.797.346.188
Tăng khác	-	-	-	75.056.081	-	-	75.056.081
Giảm khác	-	-	-	-	-	(21.786.560.990)	(21.786.560.990)
Số dư đầu năm nay	187.110.000.000	9.772.359.500	(15.682.334.790)	722.553.956	-	70.958.635.206	252.881.213.872
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	19.476.576.256	19.476.576.256
Phân phối lợi nhuận 2017 (i)	-	-	-	71.472.081	71.472.081	(17.562.073.570)	(17.419.129.408)
Tăng quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	402.639.764	-	402.639.764
Giảm khác	-	-	-	-	(214.719.455)	(215.982.102)	(430.701.557)
Số dư cuối năm nay	187.110.000.000	9.772.359.500	(15.682.334.790)	794.026.037	259.392.390	72.657.155.790	254.910.598.927

Ghi chú:

- i. Trong năm Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo nghị quyết đại hội cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018 như sau:

	Số tiền
	VND
Chi trả cổ tức năm 2017	17.315.266.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	71.472.081
Quỹ đầu tư phát triển	71.472.081
Quỹ phát triển thị trường (Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu)	71.472.081
Phân phối lợi nhuận cho thành viên góp vốn khác tại các công ty con	32.391.327
	17.562.073.570

Số cổ tức Công ty đã trả trong năm là 17.533.368.527 VND. Trong đó, cổ tức đã trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Bền liên quan (cổ đông sở hữu 23% vốn chủ sở hữu) là 3.994.540.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**Mẫu số B 09 - DN**Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2,
Quận Hải An, thành phố Hải PhòngBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu phổ thông	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.395.734	1.395.734
+ Cổ phiếu phổ thông	1.395.734	1.395.734
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu phổ thông	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	10.000	10.000

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của các Cổ đông	173.152.660.000	173.152.660.000
Cổ phiếu quỹ	13.957.340.000	13.957.340.000

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.213.315.172	15.989.492.422
Doanh thu bãi	9.045.129.378	10.656.375.096
Doanh thu cước vận tải biển (trung gian)	5.038.451.925	2.720.020.635
Doanh thu vận tải và cho thuê xe	1.120.306.363	1.262.632.726
Doanh thu thương mại	709.090.910	1.138.411.013
Doanh thu dịch vụ khác	300.336.596	212.052.952
Trong đó: doanh thu với các bên liên quan	3.445.124.679	1.538.790.801
(chi tiết tại Thuyết minh số 25)		

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bãi	8.084.295.875	9.623.878.524
Giá vốn cước vận tải biển (trung gian)	4.246.337.742	2.193.555.752
Giá vốn vận tải và cho thuê xe	970.122.443	979.832.921
Giá vốn thương mại	2.302.257.484	940.955.972
Giá vốn dịch vụ khác	102.937.314	180.489.876
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.500.000.000)	-
Cộng	14.205.950.858	13.918.713.045

Trong năm, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do xuất bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.922.909.385	1.607.820.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	839.515.548	875.904.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.414.939.907	14.542.506.908
Chi phí khác bằng tiền	227.260.000	97.968.250
Cộng	17.404.624.840	17.124.200.034

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	17.900.377.455	19.223.742.157
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.154.357.770	5.224.820.155
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.508.392	-
Cộng	22.059.243.617	24.448.562.312

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	279.444.443	113.666.666
Lỗ chênh lệch tỷ giá	780.084	118.807
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con	(79.174.018)	(476.352.966)
Cộng	201.050.509	(362.567.493)

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.922.909.385	1.607.820.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.743.408	58.743.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.786.018.673	1.437.955.331
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	224.260.000	97.968.250
Cộng	3.994.931.466	3.205.486.989

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.870.625.956	23.690.747.196
Điều chỉnh tăng/(giảm) thu nhập chịu thuế (i)	(17.900.377.455)	(19.223.742.157)
+Cổ tức lợi nhuận được chia	(17.900.377.455)	(19.223.742.157)
Thu nhập chịu thuế	1.970.248.501	4.467.005.039
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	394.049.700	893.401.008
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm	394.049.700	893.401.008

Ghi chú:

- i. Ngoài khoản thu nhập không chịu thuế với số tiền 17.900.377.455 VND, Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực Miền Bắc, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh dịch vụ: Dịch vụ bãi, vận chuyển, dịch vụ cước biển, ...

Kinh doanh thương mại: bán hàng hóa, thành phẩm...

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Năm nay	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	Kết quả kinh doanh theo bộ phận
Kinh doanh dịch vụ	15.504.224.262	13.403.693.374	2.100.530.888
Kinh doanh thương mại	709.090.910	2.302.257.484	(1.593.166.574)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	(1.500.000.000)	1.500.000.000
Cộng	16.213.315.172	14.205.950.858	2.007.364.314

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	4.000.000.000	7.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(65.421.409.557)	(67.095.186.124)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	254.910.598.927	252.881.213.872
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.421.409.557	67.095.186.124	65.421.409.557	67.095.186.124
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.866.419.393	41.606.785.552	39.866.419.393	41.606.785.552
Đầu tư tài chính dài hạn	161.292.995.323	161.213.821.305	161.292.995.323	161.213.821.305
Các khoản ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Tổng cộng	266.590.824.273	269.915.792.981	266.590.824.273	269.915.792.981
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	4.000.000.000	7.000.000.000	4.000.000.000	7.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	7.244.312.146	10.360.629.709	7.244.312.146	10.360.629.709
Chi phí phải trả	166.311.750	164.388.000	166.311.750	164.388.000
Tổng cộng	11.410.623.896	17.525.017.709	11.410.623.896	17.525.017.709

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo giá gốc và dự phòng. Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.421.409.557	-	65.421.409.557
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.087.650.821	24.778.768.572	39.866.419.393
Đầu tư tài chính dài hạn	-	161.292.995.323	161.292.995.323
Các khoản ký quỹ	-	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	80.509.060.378	186.081.763.895	266.590.824.273
Tại ngày cuối năm			
Các khoản vay	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	7.241.312.146	3.000.000	7.244.312.146
Chi phí phải trả	166.311.750	-	166.311.750
Tổng cộng	7.407.623.896	4.003.000.000	11.410.623.896
Chênh lệch thanh khoản thuần	73.101.436.482	182.078.763.895	255.180.200.377
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.095.186.124	-	67.095.186.124
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.952.771.980	30.654.013.572	41.606.785.552
Đầu tư tài chính dài hạn	-	161.213.821.305	161.213.821.305
Tổng cộng	78.047.958.104	191.867.834.877	269.915.792.981
Tại ngày đầu năm			
Các khoản vay	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	10.357.629.709	3.000.000	10.360.629.709
Chi phí phải trả	164.388.000	-	164.388.000
Tổng cộng	10.522.017.709	7.003.000.000	17.525.017.709
Chênh lệch thanh khoản thuần	67.525.940.395	184.864.834.877	252.390.775.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	6.392.262.777	9.115.390.758
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	89.533.098	795.850.397
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	6.190.095.133	8.183.459.361
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	112.634.546	136.081.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.445.124.679	1.538.790.801
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	989.292.290	642.150.974
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	30.889.057	469.556.800
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	140.027.041	146.965.823
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.153.421.205	122.621.406
Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	131.495.086	222.760
Công ty TNHH Container MinhThành	-	157.273.038
Doanh thu hoạt động tài chính	1.133.059.288	1.862.659.106
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	260.155.179	348.059.921
Công ty TNHH Container MinhThành	872.904.109	1.514.599.185
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.900.377.455	19.223.742.157
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.920.691.973	2.112.766.023
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	124.212.750	1.460.740.428
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	2.553.252.883	1.265.919.954
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	12.302.219.849	14.384.315.752

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	232.859.973	110.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	77.000.000	110.000.000
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	155.859.973	-
Phải thu khác	13.375.450.338	10.646.548.708
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	824.176.808	2.955.486.409
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	22.082.192	27.236.889
Công ty TNHH Container MinhThành	267.835.616	2.334.425.520
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	534.259.000	593.824.000
Các khoản phải thu lợi nhuận	12.551.273.530	6.791.062.299
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	3.044.976.738	1.402.670.960
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	7.453.426.001	5.138.613.658
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.923.372.392	249.777.681
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	129.498.399	-
Phải thu khác dài hạn	-	900.000.000
Công ty TNHH Container MinhThành	-	900.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	24.750.000.000	29.722.000.000
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	6.500.000.000	6.972.000.000
Công ty TNHH Container MinhThành	18.250.000.000	22.750.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	2.234.973.933	1.530.843.616
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	11.000.000	19.360.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.214.421.445	1.505.844.863
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	9.552.488	5.638.753
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.477.111.111	7.094.386.170
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.600.000.000	3.920.275.059
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	67.111.111	2.124.111.111
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà N	810.000.000	1.050.000.000
Phải trả vay dài hạn	4.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	4.000.000.000	7.000.000.000

Thu nhập, thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	1.420.893.729	1.351.877.500

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác.

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc